

Sổ tay hướng dẫn Soka giải thích về đời sống và cách sinh hoạt theo quy luật, điều lệ v.v... ở Nhật bằng nhiều thứ ngôn ngữ. Mỗi chủ đề được giới thiệu thành từng trang riêng. Hãy chọn trang phù hợp khi cần thiết.

Sổ tay hướng dẫn này được để ở Cơ quan hành chính thành phố -Shiyakusho (Ban Thị Dân , Góc tư vấn Quốc tế), các trung tâm phục vụ. Hoặc có thể hỏi tìm ở quầy hướng dẫn của các cơ quan công cộng.

Mong rằng Soka sẽ trở nên là nơi sinh sống tốt và ích lợi đối với tất cả mọi người

ガイドブック草加は、日本語や日本での暮らし方や決まりなどを、各国語で説明するものです。テーマごとに1シートとなっています。必要なシートを選んで使ってください。市役所（市民課、国際相談コーナー）、各サービスセンターにおいてあります。また、各公共施設窓口に頼んで取り寄せることもできます。

皆さんにとって草加が住みよいまちとなるよう役立てて下さい。

Góc tư vấn Quốc tế

Các tình nguyện viên sẽ cung cấp và tư vấn các thông tin cho bạn.

Số Tel:(048) 922-2970 (trực tiếp) Số Fax: (048) 927-4955

E-mail : soka-kokusai@juno.ocn.ne.jp

Thứ: hai, tư, sáu 9:00 giờ sáng ~5:00 giờ chiều

Tầng 7, Tòa thị chính thành phố

Góc tư vấn quốc tế được vận hành bởi "NPO Living in Japan" với sự hỗ trợ của thành phố Soka.

国際相談コーナー ボランティアスタッフが情報を提供したり、相談にのります。

月・水・金 午前9時～午後5時

市役所本庁舎 7 階

（国際相談コーナーは草加市の事業補助により、市民の立場で「NPO Living in Japan」が運営しています。）

作成：草加市 協力：草加市国際相談コーナー

(Góc tư vấn Quốc tế hoạt động dưới sự quản lý của Thành phố Soka và sự hợp tác của 「NPO Living in Japan」

(令和4年度作成)

こつもくいちゅうん
項目一覧

Mục lục hướng dẫn

A-1	Thủ tục khi nhập cảnh	入国時の手続き
A-2	Đăng ký thị dân	住民登録
A-3	Chế độ hộ khẩu	戸籍制度
A-4	Đăng ký con dấu	印鑑登録について
B-1-1	Nhà ở	住宅
B-1-2	Chuyển nhà & Hiệp hội dân phố	引越しと町会
B-1-3	Ga, điện , nước.....	生活インフラ
B-1-4	Cách đổ rác	ごみの出し方
B-2-1	Bảo hiểm y tế	健康保険について
B-2-2	Chế độ bảo hiểm chăm sóc	介護保険制度について
B-3	Kết hôn	結婚するには
B-4-1	Thai sản & Sinh con	妊娠から出産
B-4-2	Sức khỏe trẻ em	子どもの健康
B-4-3	Nuôi con	子育て
B-5-1	Giáo dục	教育
B-5-2	Học tiếng Nhật	日本語学習
B-6	Thuế	日本の税金
B-7	Làm việc tại Nhật	日本で働く
B-8	Chế độ lương hưu	国民年金と厚生年金
B-9-1	Bằng lái xe	運転免許
B-9-2	Ô tô & Xe máy	自動車・バイクを所有する
B-9-3	Xe đạp	自転車にのる
B-10	Chơi & Học	楽しむ・学ぶ
B-11-1	Xử lý tình huống khẩn cấp	緊急のときの対応
B-11-2	Trang bị khi thiên tai	自然災害に備えて
C-1	Các trung tâm văn hóa – thể thao trong TP. Soka	草加市内の文化・運動施設
C-2	Các địa điểm tư vấn khi gặp khó khăn	困ったときの相談窓口

Sổ tay hướng dẫn Soka
ベトナム語版

B-6 Thuế

Guidebook
SOKA

B-6
Thuế

日本の税金

* このシリーズはやさしい日本語で書かれています。

* 草加市にお住まいの方の 情報です。

B-6 Thuế

Bất kể cá nhân nào , không phân biệt quốc tịch, khi đã sinh sống tại Nhật Bản đều phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

※ Cá nhân có nghĩa vụ phải nộp thuế, khi trở về nước hoặc trường hợp dời Nhật Bản 1 năm trở lên thì phải chủ động nộp thuế trước khi xuất cảnh hoặc quyết định đơn vị quản lý nộp thuế và ủy quyền thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Cụ thể nội dung chi tiết xin hãy liên hệ với Cục Thuế hoặc Cơ quan Hành Chính Thị- Shiyakusho.

※ Cần phải thực hiện khai báo thuế trong trường hợp hưởng các dịch vụ hỗ trợ công (ví dụ khi nhận tiền trợ cấp nuôi con nhỏ).

1. Thuế Thu Nhập Nộp thuế qua Cục Thuế

Thuế Thu Nhập được tính cho khoảng thời gian phát sinh thu nhập từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 hàng năm. Các phương thức nộp thuế:

① Khấu trừ Thuế

Đơn vị sử dụng lao động sẽ khấu trừ phần thuế từ khoản thu nhập tiền lương. Tổng số tiền lương và khoản tiền thuế đã được trừ trong vòng 1 năm sẽ được nơi làm việc tổng hợp và thể hiện trên một loại giấy tờ được gọi là 「Chứng từ khấu trừ Thuế」, Chứng từ này sẽ được sử dụng trong nhiều hình thức khai báo Thuế.

② Khai Thuế Thu Nhập (KAKUTEI SHINKOKU)

Cá nhân có mức thu nhập vượt mức giới hạn quy định thì phải tự kê khai khoản tiền thu nhập và khoản thuế tự tính với Cục Thuế trong thời gian từ 16 tháng 2 đến 15 tháng 3 hàng năm. Dựa vào kết quả kê khai đó , cá nhân nào thuộc diện phải nộp thuế thì sẽ phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

*Nơi kê khai Thuế không phải là Cơ quan Hành Chính Thị - Shiyakusho mà là một khu vực kê khai được tổ chức riêng bên ngoài.

*Trong quá trình kê khai nếu gặp khó khăn về vấn đề tiếng Nhật thì có thể liên hệ Góc Tư Vấn Quốc Tế để yêu cầu hỗ trợ phiên dịch.

Điện Thoại . 048-922-2970 (Thứ Hai, Thứ Tư và Thứ Sáu)

③ Hoàn Thuế

Các trường hợp dưới đây, sau khi tiến hành kê khai Thuế có thể nhận được khoản tiền thuế được hoàn trả.

- Trường hợp chi phí y tế đã chi trả cao hơn mức chi phí y tế giới hạn quy định.
- Những tổn thất chi phí do tai họa thiên nhiên, mất cắp, bị chiếm dụng vượt mức giới hạn quy định.
- Khoản vay ngân hàng để mua nhà vượt quá mức giới hạn quy định.
- Trường hợp không nhận được khoản tiền thuế sau khi điều chỉnh (thông thường công ty sẽ tiến hành khoản điều chỉnh thuế này) vào cuối năm(mà đã nghỉ làm việc trong năm và không tiến hành tìm công việc mới hay chỉ làm công việc bán thời gian.)

B-6 日本^{にほん}の税金^{ぜいきん}

日本^{にほん}に住^すむ人は、国籍^{こくせき}に関^{かん}係^{けい}なくすべての人^{ひと}が税金^{ぜいきん}を納^{おさ}めなくてははいけません。税金^{ぜいきん}は主^{おも}なものとして、国^{くに}に納^{おさ}める所得^{しよくとく}税^{ぜい}と市^しや県^{けん}に納^{おさ}める住^{じゅう}民^{みん}税^{ぜい}があります。

*税金^{ぜいきん}を納^{おさ}めなくてははいけない人^{ひと}が、帰^き国^{こく}または1年^{ねん}以上日本^{にほん}を離^{はな}れる場合^{ばあい}は、自分^{じぶん}で納^{のう}税^{ぜい}してから出^{しゅつ}国^{こく}するか、納^{のう}税^{ぜい}管^{かん}理^り人^{にん}を決^きめて納^{おさ}めてもらいます。詳^{くわ}しいことは税^{ぜい}務^む署^{しょ}か市^し役^{やく}所^{しょ}に相^{そう}談^{だん}してください。

*公^{こう}的^{てき}サービ^さス（児^じ童^{どう}手^て当^{あて}など）を受^うけるには必^{かな}ず申^{しん}告^{こく}が必^{ひつ}要^{よう}です。

1. 所得^{しよくとく}税^{ぜい} 税^{ぜい}務^む署^{しょ}を通^{つう}じて納^{のう}税^{ぜい}

1月^{がつ}1日^{いち}から1月^{がつ}2日^{にち}3日^{まい}の間に得^えた所得^{しよくとく}に課^か税^{ぜい}されます。納^{のう}税^{ぜい}の仕^{しか}方は、

①源泉^{げんせん}徴^{ちよう}収^{しゆう}：雇^こ用^{よう}主^{ぬし}が給^{きゅう}与^よから差^さ引^びき納^{のう}税^{ぜい}します。勤^{きん}務^む先^{さき}を通^{つう}じて1年^{ねん}間^{かん}に支^し払^{はら}われた給^{きゅう}与^よの合^{ごう}計^{けい}金^{きん}額^{がく}や支^し払^{はら}われた所^{しよく}得^{とく}税^{ぜい}の合^{ごう}計^{けい}が記^きさされたもの^{もの}を「源^{げん}泉^{せん}徴^{ちよう}収^{しゆう}票^{ひよう}」とい^いい、こ^この書^{しょ}類^{るい}はさまざまな申^{しん}告^{こく}をするとき必^{ひつ}要^{よう}です。

②確定^{かくてい}申^{しん}告^{こく}：一^い定^{てい}額^{がく}以^い上^{じょう}の収^{しゆう}入^{にゅう}のある人^{ひと}は、2月^{がつ}1日^{にち}6日^{にち}から3月^{がつ}1日^{にち}5日^{にち}の間に自分^{おの}で所^{しよく}得^{とく}金^{きん}額^{がく}や税^{ぜい}額^{がく}を計^{けい}算^{さん}し税^{しん}務^{こく}署^じに申^{しん}告^{こく}します。申^{しん}告^{こく}の結^{けつ}果^か、納^{おさ}める必要^{ひつよう}のある人^{ひと}は納^{のう}税^{ぜい}します。

*市^し役^{やく}所^{しょ}とは違^{ちが}う場^ば所^{しょ}が申^{しん}告^{こく}会^{かい}場^{じょう}になります。

*申^{しん}告^{こく}の時^{とき}に日^に本^{ほん}語^ごに不^ふ安^{あん}のある方^{ほう}は国^{こく}際^{さい}相^{そう}談^{だん}コーナ^ーで通^{つう}訳^{やく}など^のの相^{そう}談^{だん}がで^きます。国^{こく}際^{さい}相^{そう}談^{だん}コーナ^ー 電^{でん}話^わ 048-922-2970 (月^{げつ}、水^{すい}、金^{きん})

③税金^{ぜいきん}の還^{かん}付^ぶ：次^{つぎ}のよ^うな場^ば合^{あい}は、申^{しん}告^{こく}するこ^とによ^り税金^{ぜいきん}の還^{かん}付^ぶを受^うけられることがあ^あります。

- 医^い療^{りょう}費^ひが高^{こう}額^{がく}になり、自分^{じぶん}で支^し払^{はら}った金^{きん}額^{がく}が一^い定^{てい}の額^{がく}を超^こえたとき
- 災^{さい}害^{がい}、盗^{とう}難^{なん}、横^{おう}領^{りょう}による損^{そん}失^{しつ}が一^い定^{てい}の額^{がく}を超^こえたとき
- 一^い定^{てい}の借^{かり}入^{いれ}金^{きん}を利^り用^{よう}して住^{じゅう}宅^{たく}を買^かったとき
- 年^{ねん}末^{まつ}調^{ちよう}整^{せい}（通^{つう}常^{じょう}会^{かい}社^{しゃ}でう^う税^{ぜい}金^{きん}の調^{ちよう}整^{せい}）を受^うけなかつたとき（年^{ねん}の途^と中^{ちゅう}で退^{たい}職^{しよく}してそ^の後^ご就^{しゅう}職^{しよく}をしなかつた、パ^ぱー^たなど^ので働^{はたら}いていたなど）

2. Thuế Cư Trú (Thuế Thị Dân và Thuế Huyện Dân) Nộp thuế tại Cơ Quan Hành Chính Thị (Shiyaku-sho)

Những cá nhân có địa chỉ trong nước Nhật tại thời điểm 1 tháng 1 thì Cơ quan Hành Chính Thị nơi địa chỉ cư trú trực thuộc sẽ tính thuế dựa trên khoản thu nhập chịu thuế trong giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 năm trước đó.

① Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương

Tiền thuế sẽ được tính vào cuối tháng 5 dựa trên báo cáo thuế được nộp bởi đơn vị sử dụng lao động, số tiền thuế sẽ được tính trừ vào tiền lương từ tháng tiếp theo là tháng 6 trong vòng 1 năm (tức là đến tháng 5 năm của năm kế tiếp).

② Trường hợp cá nhân có thu nhập ngoài tiền lương (Người có thu nhập vượt mức giới hạn quy định)

Cá nhân có thu nhập ngoài tiền lương trực tiếp kê khai thuế chậm nhất đến ngày 15 tháng 3 tại Cơ Quan Hành Chính Thị nơi cá nhân sinh sống.
*Cá nhân đã kê khai thuế Thu Nhập (Kakutei Shinkoku) thì không cần kê khai Thuế Cư Trú. Thuế Cư Trú sẽ được tính dựa trên Thuế Thu Nhập đã kê khai và sẽ được gửi qua bưu điện giấy tờ 「Giấy thông báo nộp thuế」. Khoản thuế phải nộp sẽ được chia ra thành 4 kỳ để nộp là tháng 6, tháng 8, tháng 10 và tháng 1 năm kế tiếp.

3. Các loại thuế chủ yếu khác

(1) Thuế tiêu dùng

Là loại thuế được áp dụng mức thuế suất 8% khi mua bất kể hàng hóa hay sử dụng dịch vụ ngoại trừ một số hạng mục thuộc lĩnh vực y tế, phúc lợi, giáo dục đã quy định.

(2) Thuế dành cho xe tải trọng nhẹ (Thuế của Thị)

Loại thuế này được áp dụng cho dòng xe máy hoặc xe ô tô có tải trọng nhẹ với lượng khí thải dưới 660cc

(3) Thuế xe ô tô (Thuế của Tỉnh)

Loại thuế này được áp dụng cho dòng xe có lượng khí thải trên 660cc.
*Loại thuế được nêu ở mục số (2) & (3) áp dụng cho cá nhân sở hữu xe tại thời điểm 1 tháng 4. Giấy thông báo thuế sẽ được gửi vào tháng 5.

4. Các địa điểm nộp thuế

- Cơ quan Hành Chính Thị, Trung tâm Dịch Vụ của Thị (Service Center)
- Các ngân hàng hoặc bưu điện do Thị SOKSA chỉ định
- Chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng
- Các cửa hàng tiện ích

2. 住民税 (県民税と市民税) 市役所で納税

1月1日に日本国内に住居のある人がその住所の市から、前年の1月1日から12月31日の間の課税所得額に対して課税されます。税率は10% (市民税6%、県民税4%) です。

① 給与所得者の場合

雇用主から提出される報告書に基づき5月末までに計算され、翌6月から1年間 (翌年5月まで) に分けて給与から差し引かれます。

② 給与所得者以外 (一定額以上の収入のある人) の場合

住んでいる市の市役所で3月15日までに本人が申告をします。

* 所得税の確定申告をした人は住民税の申告は必要ありません。
申告した所得税に基づいて住民税の額が計算され「納税通知書」が郵送されます。6月、8月、10月、翌年1月の4回に分けて納付します。

3. その他の主な税金

(1) 消費税

医療、福祉、教育などの一部を除いたあらゆる物品の購入、サービスに対して税率8%が課税されます。

(2) 軽自動車税 (市税)

オートバイや排気量660cc未満の自動車に対してかかります。

(3) 自動車税 (県税)

排気量660cc以上の自動車に対してかかります。

* (2) (3) は4月1日現在の所有者に対して課税されます。5月ごろに通知書が送られてくるので、納めてください。

4. 税金の納める場所

- | | |
|--------------------|--------|
| • 市役所、サービスセンター | • 口座振替 |
| • 草加市の指定した金融機関、郵便局 | • コンビニ |

5.Giấy chứng nhận

Khi làm các thủ tục như nhập học ở nhà trẻ hay vay ngân hàng, gia hạn tư cách lưu trú hoặc thay đổi quốc tịch thì đều cần phải nộp giấy chứng nhận liên quan đến Thuế.

① Giấy chứng nhận Thuế (Kazei Shomei-sho) được cấp ở Ban Thị Dân (Shimin-Ka) hoặc Ban Thuế Khóa Thị Dân (Shiminzeika-Ka)

Giấy chứng nhận thể hiện tổng số tiền thu nhập của năm kế trước năm cần xin chứng nhận đồng thời cũng thể hiện cả khoản thuế cư trú (thuế thị dân và thuế huyện dân).

*Cá nhân thuộc diện phải thực hiện kê khai thuế mà không kê khai thì sẽ không nhận được Giấy chứng nhận Thuế (Kazei Shoumei-sho) này.

*Cá nhân không thuộc diện phải chịu thuế thì sẽ được cấp “Giấy chứng nhận không phải chịu thuế “ (Hi-kazei Shoumeisho)

②Giấy chứng nhận nộp thuế (Ban nộp thuế , “Nouzei- Ka”).

Là loại giấy chứng nhận việc đã nộp thuế Cư Trú (Thuế Thị Dân và thuế HUYện Dân) đã được tính cũng như thể hiện việc đã nộp thuế bảo hiểm thuộc Bảo hiểm Sức Khỏe Quốc dân (KOKUMIN KENKOU HOKEN)

6.Tư vấn nộp thuế

Các trường hợp không thể nộp thuế Cư trú hay Thuế bảo hiểm hoặc việc nộp thuế có thể sẽ chậm hơn so với thời hạn quy định thì cần nhanh chóng thông báo và nhận tư vấn nộp thuế tại Ban Nộp Thuế (NOUZEI-KA) của Cơ quan Hành Chính Thị (Shiyakusho).Trường hợp vì thiên tai, bệnh tật hoặc thất nghiệp khiến cho việc nộp thuế trong thời hạn quy định gặp khó khăn thì cũng có chế độ nộp thuế chia nhiều lần hoặc gia hạn thời hạn nộp thuế.

《Thông tin liên hệ》

- Thuế Cư Trú Ban Thuế Cư Trú(Shiminzei-ka),Cơ quan Hành ChínhThị Tel. 048-922-1042
- Liên quan đến nộp thuế Ban Nộp Thuế (Nouzei-ka), Cơ quan Hành Chính Thị Tel. 048-922-1124
- Thuế Bảo hiểm (Bảo hiểm Sức Khỏe Quốc Dân Ban Bảo hiểm -Lương Hưu (Hoken Nenkin -ka) Cơ Quan Hành Chính Thị Tel. 048-922-1592
- Thuế Huyện Dân Văn Phòng Thuế Huyện Dân Koshigaya Tel. 048-962-2191
- Thuế Quốc Gia, Khai Báo Thuế Cục Thuế Kawaguchi Tel. 048-252-5141 Địa chỉ: 2-2-17 Aoki, Kawaguchi-shi
- Thuế xe Chi Cục Văn phòng Thuế Xe Kasukabe Tỉnh Saitama Tel. 048-763-4111

5. 証明書

保育園の入園やローン、滞在資格の更新や帰化の申請の時など税金に関する証明が必要なことがあります

①課税証明書 (市民課、市民税課)

必要な年度の前年の所得の額と、それに基づく住民税 (市・県民税) の額が書かれています。

*確定申告が必要な人は、していないと課税証明書はもらえません。

*非課税の人は、「非課税証明書」になります。

②納税証明書 (納税課)

課税された住民税 (市・県民税)、国民健康保険の保険税が払われているかどうかの証明書です。

6. 納税相談

市民税や保険税の納付ができない、また、遅れがちだというときは早めに市役所の納税課で納税相談を受けてください。災害を受けたり、病気や失業などで納期限内の納付が困難な時には、分割して納税する制度や納期限延長という制度もあります。

《問合わせ先》

- | | | | |
|--------------|-----------------|-------|--------------------|
| 市民税 | 市役所 | 市民税課 | 電話 048-922-1042 |
| 納税について | 市役所 | 納税課 | 電話 048-922-1124 |
| 保険税 (国民健康保険) | 市役所 | 保険年金課 | 電話 048-922-1592 |
| 県民税 | 越谷県税事務所 | | 電話 048-962-2191(代) |
| 国税、確定申告 | 川口税務署 | | 電話 048-252-5141 |
| | 川口市青木2-2-17 | | |
| 自動車税 | 埼玉県自動車税事務所春日部支所 | | 電話 048-763-4111 |